

MỤC LỤC

1	2
3	4
5	6
7	8
9	10
11	12
13	14
15	16
17	18
19	20
21	22
23	24
25	26
27	28
29	30
31	32
33	34
35	36
37	38
39	40
41	42
43	44
45	46
47	48
49	50
51	52
53	54
55	56
57	58
59	60
61	62
63	64
65	66
67	68
69	70
71	72
73	74
75	76
77	78
79	80
81	82
83	84
85	86
87	88
89	90
91	92
93	94
95	96
97	98
99	100

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU
ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 33
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 31
Phụ lục 01: Chi tiết vật tư, hàng hoá giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	32 – 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 882/998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ giao thông vận tải, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh 103444 cấp ngày 20 tháng 7 năm 1998. Theo quyết định số 1201/QĐ-ĐS ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên đường sắt Việt Nam chuyển Công ty Thông tin Tín hiệu đường sắt Sài Gòn thành Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Hoạt động của Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301097524 ngày 08 tháng 12 năm 2010. Từ ngày 19 tháng 01 năm 2016 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301097524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Uông Nhật Phương	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Dũng	Ủy viên
Ông Lê Đức Dũng	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Dũng	Giám đốc
Ông Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc
Ông Đàm Ngọc Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Đức Toàn	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Phạm Văn Dũng

Số: 16../2021/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, được lập ngày 24 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh phía Bắc



Bùi Thị Ngọc Liên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên



Lê Mỹ Trang

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3764-2021-152-1

Headquarters

29, Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

4

The North Branch

LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.907.163.628	74.353.852.622
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	21.625.315.936	3.966.529.494
1.	Tiền	111		21.625.315.936	3.966.529.494
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.834.919.161	62.220.760.732
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	43.446.567.207	57.426.838.527
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		544.681.000	44.000.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	2.254.779.760	5.505.878.951
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.04	(1.411.108.806)	(755.956.746)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.05	11.949.982.180	8.166.562.396
1.	Hàng tồn kho	141		11.949.982.180	8.166.562.396
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		496.946.351	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	496.946.351	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.560.421.274	15.536.183.723
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	20.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	20.000.000	20.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		11.492.754.839	10.943.752.655
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	11.456.617.339	10.903.940.155
	- Nguyên giá	222		31.915.519.565	31.080.700.747
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.458.902.226)	(20.176.760.592)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	36.137.500	39.812.500
	- Nguyên giá	228		73.500.000	73.500.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(37.362.500)	(33.687.500)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		4.047.666.435	4.572.431.068
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	4.047.666.435	4.572.431.068
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		94.467.584.902	89.890.036.345

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		55.143.982.821	49.872.359.378
I.	Nợ ngắn hạn	310		55.143.982.821	49.872.359.378
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.926.298.230	10.916.098.770
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	32.066.446.160	4.106.280.796
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	3.534.791.440	6.040.387.019
4.	Phải trả người lao động	314		5.936.690.459	10.220.211.652
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	73.437.021
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	4.109.291.683	2.659.708.265
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	7.570.464.849	15.619.769.156
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	236.466.699
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.323.602.081	40.017.676.967
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	39.323.602.081	40.017.676.967
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.741.000.000	30.741.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.741.000.000	30.741.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		2.502.155.190	1.693.568.286
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.080.446.891	7.583.108.681
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.080.446.891	7.583.108.681
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		94.467.584.902	89.890.036.345

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

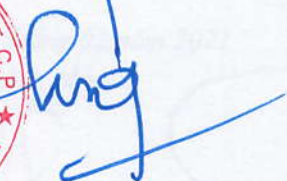
Giám đốc



Ngô Thị Loan



Đỗ Đức Toàn

Phạm Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	116.567.536.657	199.026.810.329
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	4.092.832	1.245.595.256
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		116.563.443.825	197.781.215.073
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	86.143.163.238	164.528.191.004
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.420.280.587	33.253.024.069
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	151.350.467	245.344.164
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	325.563.894	335.709.072
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		325.563.894	335.709.072
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	25.530.791.991	23.623.996.621
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.715.275.169	9.538.662.540
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	2.477.961.325	227.273
12.	Chi phí khác	32	VI.07	105.736.494	48.003.169
13.	Lợi nhuận khác	40		2.372.224.831	(47.775.896)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.087.500.000	9.490.886.644
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.007.053.109	1.907.777.963
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.080.446.891	7.583.108.681
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.528	1.853
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.528	1.853

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Ngô Thị Loan

Đỗ Đức Toàn

Phạm Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		170.053.513.237	220.520.008.404
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(56.600.324.026)	(138.354.580.797)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(71.107.911.377)	(68.516.835.196)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(325.563.894)	(335.709.072)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.432.788.611)	(2.150.618.326)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		858.248.050	6.088.516.031
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.524.158.915)	(20.210.760.424)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		31.921.014.464	(2.959.979.380)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.492.818.818)	(792.388.726)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		16.363.636	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		151.350.467	245.344.164
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.325.104.715)	(547.044.562)

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		23.872.989.325	19.709.898.054
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.922.293.632)	(10.590.128.898)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.887.819.000)	(3.535.215.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.937.123.307)	5.584.554.156
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		17.658.786.442	2.077.530.214
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.966.529.494	1.888.999.280
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền tại ngày cuối năm (70 = 50+60+61)	70		21.625.315.936	3.966.529.494

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu



Ngô Thị Loan

Kế toán trưởng



Đỗ Đức Toàn

Giám đốc



Phạm Văn Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 367 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 353 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Phần mềm máy tính	20 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ 10 năm.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức được chia cho các cổ đông.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Trong năm tài chính 2020, Công ty được giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác có tổng doanh thu trong năm không quá 200 tỷ đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	214.831.355	825.351.812
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.410.484.581	3.141.177.682
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	21.625.315.936	3.966.529.494

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	43.446.567.207	57.426.838.527
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	31.803.980.563	51.077.029.987
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	11.642.586.644	6.349.808.540
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	43.446.567.207	57.426.838.527

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	35.385.528.563	53.266.032.384
Cộng	35.385.528.563	53.266.032.384

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.254.779.760	-	5.505.878.951	-
- Tạm ứng	421.987.661	-	236.854.727	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.438.691.322	-	1.997.330.550	-
- Phải thu khác	394.100.777	-	3.271.693.674	-
+ <i>Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Thuận Hải</i>	-	-	778.268.321	-
+ <i>Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Phú Khánh</i>	-	-	2.493.425.353	-
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	394.100.777	-	-	-
b. Dài hạn	20.000.000	-	20.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	2.274.779.760	-	5.525.878.951	-

04. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Ban Quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng TP Tuy Hòa	12.100.855	-	12.100.855	-
- Công ty TNHH Tư Vấn thiết kế Xây dựng ADC	627.100.855	-	627.100.855	-
- Xí nghiệp 303 - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	116.755.036	-	116.755.036	-
- Công ty Cổ phần Vĩnh Nguyên	655.152.060	-	-	-
Cộng	1.411.108.806	-	755.956.746	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	2.104.003.055	-	1.474.796.299	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.845.979.125	-	6.691.766.097	-
Cộng	11.949.982.180	-	8.166.562.396	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>16.617.285.407</i>	<i>5.146.842.324</i>	<i>9.276.655.016</i>	<i>39.918.000</i>	<i>31.080.700.747</i>
- Mua trong năm	470.782.727	-	1.022.036.091	-	1.492.818.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(658.000.000)	-	(658.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>17.088.068.134</i>	<i>5.146.842.324</i>	<i>9.640.691.107</i>	<i>39.918.000</i>	<i>31.915.519.565</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>8.561.101.873</i>	<i>3.528.955.421</i>	<i>8.050.163.361</i>	<i>36.539.937</i>	<i>20.176.760.592</i>
- Khấu hao trong năm	336.449.766	229.935.776	370.378.029	3.378.063	940.141.634
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(658.000.000)	-	(658.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>8.897.551.639</i>	<i>3.758.891.197</i>	<i>7.762.541.390</i>	<i>39.918.000</i>	<i>20.458.902.226</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>8.056.183.534</i>	<i>1.617.886.903</i>	<i>1.226.491.655</i>	<i>3.378.063</i>	<i>10.903.940.155</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>8.190.516.495</i>	<i>1.387.951.127</i>	<i>1.878.149.717</i>	<i>-</i>	<i>11.456.617.339</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 7.455.415.340 đồng.

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	73.500.000	73.500.000
- Mua trong năm	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	73.500.000	73.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	33.687.500	33.687.500
- Khấu hao trong năm	3.675.000	3.675.000
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	37.362.500	37.362.500
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	39.812.500	39.812.500
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	36.137.500	36.137.500

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 0 đồng.

08. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	4.047.666.435	4.572.431.068
- Tiền thuê đất dài hạn	3.749.620.718	3.863.245.588
- Chi phí sửa chữa lớn	-	279.610.000
- Lợi thế kinh doanh	298.045.717	429.575.480
Cộng	4.047.666.435	4.572.431.068

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	15.619.769.156	15.619.769.156	23.872.989.325	31.922.293.632	7.570.464.849	7.570.464.849
- Vay ngân hàng	12.119.769.156	12.119.769.156	23.872.989.325	28.422.293.632	7.570.464.849	7.570.464.849
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn ^(a)	12.119.769.156	12.119.769.156	7.992.506.204	16.765.201.765	3.347.073.595	3.347.073.595
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín ^(b)	-	-	15.880.483.121	11.657.091.867	4.223.391.254	4.223.391.254
- Vay đối tượng khác	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-	-
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	15.619.769.156	15.619.769.156	23.872.989.325	31.922.293.632	7.570.464.849	7.570.464.849

Thông tin chi tiết về khoản vay:

(a): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trường Sơn theo hợp đồng tín dụng số 1608-LAV-202000218 ngày 09 tháng 09 năm 2020 nhằm bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ ba, hạn mức tín dụng cho vay là 14.800.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 3 tháng, lãi suất cho vay bình quân trong năm là 9%/năm.

(b): Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín theo hợp đồng cấp tín dụng số 201924888183 ngày 31 tháng 03 năm 2020, khoản vay có thời hạn 3 tháng, hạn mức tín dụng cho vay là 22.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong năm từ 6,5% – 7%/năm.

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	1.926.298.230	1.926.298.230	10.916.098.770	10.916.098.770
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	210.177.134	210.177.134	3.029.937.134	3.029.937.134
- Công ty Cổ phần viễn thông tín hiệu Comsig	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	-	-	1.224.205.000	1.224.205.000
- Công ty Cổ phần Thiên Mã	-	-	1.910.400.000	1.910.400.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Hoàng Cung	986.513.608	986.513.608	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	729.607.488	729.607.488	751.556.636	751.556.636
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.926.298.230	1.926.298.230	10.916.098.770	10.916.098.770

Trong đó:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	210.177.134	210.177.134	4.254.142.134	4.254.142.134
Cộng	210.177.134	210.177.134	4.254.142.134	4.254.142.134

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	32.066.446.160	4.106.280.796
- Trung tâm phát triển quỹ đất Khánh Hoà	1.376.433.731	1.376.433.731
- Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Ninh Hoà	-	917.743.428
- Trung tâm phát triển quỹ thành phố Nha Trang	-	879.872.000
- Công ty TNHH Đầu tư BOT Bình Lợi	597.627.527	597.627.527
- Ban quản lý Dự án Đường sắt	29.324.481.902	-
- Công ty Cổ phần Công trình Thành Phát	764.892.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	3.011.000	334.604.110
b. Dài hạn	-	-
Cộng	32.066.446.160	4.106.280.796

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	5.414.359.426	8.136.012.402	10.215.872.479	-	3.334.499.349
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	626.027.593	1.007.053.109	1.432.788.611	-	200.292.091
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	769.263.142	769.263.142	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.606.628.597	1.606.628.597	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	142.281.949	639.228.300	496.946.351	-
Cộng	-	6.040.387.019	11.666.239.199	14.668.781.129	496.946.351	3.534.791.440

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	4.109.291.683	2.659.708.265
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	436.083.524	469.276.160
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.673.208.159	2.190.432.105
+ Xí nghiệp Thông tin Tín Hiệu Sài Gòn	1.546.851.086	-
+ Xí nghiệp Thông tin Tín hiệu Thuận Hải	1.466.862.431	-
+ Xí nghiệp Thông tin Tín hiệu Phú Khánh	659.494.642	-
+ Các đối tượng khác	-	2.190.432.105
b. Dài hạn	-	-
Cộng	4.109.291.683	2.659.708.265

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	30.741.000.000	1.084.532.786	5.732.800.000	37.558.332.786
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm	-	-	7.583.108.681	7.583.108.681
Phân phối lợi nhuận	-	659.035.500	(5.732.800.000)	(5.073.764.500)
Giảm khác	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Số dư đầu năm nay	30.741.000.000	1.693.568.286	7.583.108.681	40.017.676.967
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	6.080.446.891	6.080.446.891
Phân phối lợi nhuận (*)	-	808.586.904	(7.583.108.681)	(6.774.521.777)
Số dư cuối năm	30.741.000.000	2.502.155.190	6.080.446.891	39.323.602.081

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi trả cổ tức	4.887.819.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	808.586.904
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.886.702.777
Tổng	7.583.108.681

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	23.292.000.000	76	23.292.000.000	76
Vốn góp của các cổ đông khác	7.449.000.000	24	7.449.000.000	24
Cộng	30.741.000.000	100	30.741.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.741.000.000	30.741.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.741.000.000	30.741.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.887.819.000	3.535.215.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.074.100	3.074.100
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.074.100	3.074.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.074.100	3.074.100
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.074.100	3.074.100
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.074.100	3.074.100
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

f. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	2.502.155.190	1.693.568.286
Cộng	2.502.155.190	1.693.568.286

15. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Tài sản nhận giữ hộ**

Công ty nhận giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam vật tư thu hồi (Chi tiết xem tại Phụ lục 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu quản lý, bảo trì thường xuyên	100.055.027.273	95.311.252.936
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	16.512.509.384	103.715.557.393
Cộng	<u>116.567.536.657</u>	<u>199.026.810.329</u>

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	103.898.548.102	191.896.891.197

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giảm giá hàng bán	-	1.245.595.256
Cộng	<u>4.092.832</u>	<u>1.245.595.256</u>

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn quản lý, bảo trì thường xuyên	71.383.495.492	67.938.692.835
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.759.667.746	96.589.498.169
Cộng	<u>86.143.163.238</u>	<u>164.528.191.004</u>

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	151.350.467	245.344.164
Cộng	<u>151.350.467</u>	<u>245.344.164</u>

05. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	325.563.894	335.709.072
Cộng	<u>325.563.894</u>	<u>335.709.072</u>

06. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	16.363.636	-
- Thu nhập khác	2.461.597.689	227.273
Cộng	<u>2.477.961.325</u>	<u>227.273</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản bị phạt	105.736.494	48.003.169
Cộng	105.736.494	48.003.169

08. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	15.624.933.190	14.068.574.125
- Chi phí khấu hao TSCĐ	938.190.232	806.998.626
- Thuế, phí và lệ phí	201.324.201	201.126.231
- Chi phí dự phòng	672.964.073	755.956.746
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.295.219.875	1.577.949.749
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.798.160.420	6.213.391.144
Cộng	25.530.791.991	23.623.996.621

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.007.139.032	1.907.777.963
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.007.139.032	1.907.777.963

(*) Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.087.500.000	9.490.886.644
Các khoản điều chỉnh tăng	105.736.494	48.003.170
+ Chi phí không được trừ	105.736.494	48.003.170
Thu nhập tính thuế TNDN	7.193.236.494	9.538.889.814
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	1.438.647.299	1.907.777.963
Thuế TNDN được giảm(*)	431.594.190	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.007.053.109	1.907.777.963

(*): Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được giảm 30% căn cứ theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác có tổng doanh thu trong kỳ không quá 200 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	6.080.446.891	7.583.108.681
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.080.446.891	7.583.108.681
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.382.756.000	1.886.702.777
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.074.100	3.074.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.528	1.853

(*): Tạm ước tính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2020, Công ty công bố về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	6.080.446.891	7.583.108.681
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.080.446.891	7.583.108.681
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.382.756.000	1.886.702.777
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.074.100	3.074.100
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.528	1.853

(*): Tạm ước tính theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2020, Công ty công bố về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.666.958.379	80.817.261.187
- Chi phí nhân công	71.156.888.745	83.633.194.969
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	943.816.634	1.021.748.796
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.728.111.391	12.105.727.729
- Chi phí khác bằng tiền	4.659.429.035	11.061.167.854
- Chi phí dự phòng	672.964.073	755.956.746
Cộng	114.828.168.257	189.395.057.281

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp	1.998.806.596	2.239.849.601
Cộng	1.998.806.596	2.239.849.601

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh	Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần Công trình 3	Công ty liên kết với Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Công ty Cổ phần In đường sắt Sài Gòn	Công ty liên kết với Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Chi nhánh khai thác đường sắt Sài Gòn	Thành viên Tổng công ty đường sắt Việt Nam
Ban Quản lý dự án đường sắt Khu vực 3	Thành viên Tổng công ty đường sắt Việt Nam

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp dịch vụ, hàng hoá	103.898.548.102	191.896.891.197
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	101.184.063.772	191.707.754.833
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	31.025.455	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	233.420	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	2.683.225.455	-
- Công ty Cổ phần Công trình 3	-	189.136.364
Giảm trừ doanh thu	-	812.152.529
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	812.152.529

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa, dịch vụ	17.812.013	2.955.672.879
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	-	1.112.913.636
- Công ty Cổ phần In đường sắt Sài Gòn	-	15.600.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	-	1.611.481.819
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	17.812.013	29.630.151
Điều chỉnh giảm giá trị dịch vụ đã mua	-	186.047.273
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	-	186.047.273
Chi trả cổ tức	3.703.428.000	2.678.580.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	3.703.428.000	2.678.580.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	35.385.528.563	53.266.032.384
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	31.803.980.563	51.077.029.987
- Công ty Cổ phần Công trình 3	630.000.000	1.459.110.937
- Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - khai thác đường sắt Sài Gòn	-	16.300.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	2.951.548.000	-
- Công ty Cổ phần Vĩnh Nguyên	Không áp dụng	655.152.060
- Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	Không áp dụng	58.439.400
Phải thu khác ngắn hạn	3.491.986	-
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	3.491.986	-
Cộng nợ phải thu	35.389.020.549	53.266.032.384
Phải trả người bán ngắn hạn	210.177.134	4.254.142.134
- Công ty Cổ phần Đường sắt Sài Gòn	-	1.224.205.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	210.177.134	3.029.937.134
Cộng nợ phải trả	210.177.134	4.254.142.134

03. Thông tin về bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh:**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ sửa chữa, duy tu.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày cuối năm				
Phải trả cho người bán	1.926.298.230	-	-	1.926.298.230
Vay và nợ	7.570.464.849	-	-	7.570.464.849
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	3.673.208.159	-	-	3.673.208.159
Cộng	13.169.971.238	-	-	13.169.971.238
Tại ngày đầu năm				
Phải trả cho người bán	10.916.098.770	-	-	10.916.098.770
Vay và nợ	15.619.769.156	-	-	15.619.769.156
Chi phí phải trả	73.437.021	-	-	73.437.021
Các khoản phải trả khác	2.190.432.105	-	-	2.190.432.105
Cộng	28.799.737.052	-	-	28.799.737.052

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc. Trong đó, Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.976	1.853
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.976	1.853

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Ngô Thị Loan

Kế toán trưởng



Đỗ Đức Toàn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2021

Giám đốc



Phạm Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

STT	Tên quy cách, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2020
1	Cáp đồng thông tin treo 10*2*0,5 mm	m	1.917
2	Cáp đồng thông tin treo 10*2*0,9 mm	m	310
3	Cáp đồng thông tin treo 2*4*0,9 mm	m	1.031
4	Cáp đồng thông tin treo 20*2*0,5 mm	m	324
5	Cáp đồng thông tin treo 3*4*0,9 mm	m	357
6	Cáp đồng thông tin treo 5*2* 0,5 mm	m	1.142
7	Cáp đồng thông tin treo 30*2* 0,5 mm	m	350
8	Cáp đồng thông tin treo 5*2* 0,9 mm	m	231
9	Cáp tín hiệu treo 5*1 mm	m	1860
10	Biển ghi	bộ	52
11	Bộ biểu trí ghi	bộ	7
12	Bộ khóa chặt	bộ	6
13	Bộ tay quay ghi điện	bộ	8
14	Bộ tiếp điểm	bộ	2
15	Bộ nối ACB	bộ	1
16	Cần đẩy biểu trí ghi	cái	8
17	Cần điều chỉnh độ khít lưỡi ghi	cái	8
18	Công tắc đạp chân	Cái	23
19	Cơ cấu đèn tín hiệu ĐN 2 BT	cái	11
20	Cơ cấu đèn tín hiệu ĐN 3 BT	cái	1
21	Cơ cấu đèn TH ra ga báo trước	bộ	3
22	Cơ cấu TH ra ga thấp	bộ	9
23	Cơ cấu TH ngăn đường	cái	6
24	Động cơ điện	bộ	4
25	Hòm biển thể	cái	3
26	Hộp khóa điện	hộp	6
27	Nắp bể accu 0,9*1,2 m	cái	4
28	Rơ le TH các loại	cái	100
29	Rơ le OMRON MY4N 24VDC	cái	50
30	Thanh khóa các loại	Cái	7
31	Thân cột TH ĐN	cái	10
32	Bộ nguồn thông tin	bộ	12
33	Bộ nguồn TH SZZ,ZXUP, SZJ220/13-60	bộ	3
34	Bộ phối hợp trở kháng	bộ	6
35	Bộ nạp nhanh 220V/18-24V	Bộ	2
36	Biến áp BD-1	cái	6
37	Biến áp BD-7	cái	1
38	Biến áp BX-30	cái	3
39	Biến thế BG các loại	cái	11
40	Biến áp BX1-34	cái	9
41	Biến áp DDX	cái	2

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

STT	Tên quy cách, vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng tại ngày 31/12/2020
42	Biến áp DZD-BT	cái	13
43	Biến áp CT5	cái	11
44	Bộ nối đầu mũi ghi	bộ	1
45	Đèn ghi thấp điện	cái	26
46	Ổn áp 2KVAROBOT (90V-240V)	cái	3
47	Quạt 12vDC -0,13A 3 dây	cái	16
48	Quạt 24V DC	cái	2
49	Quạt thông gió	cái	6
50	Hộp cáp các loại	cái	24
51	Khùy M	cái	1
52	Khùy vuông góc	cái	1
53	Lưới tra đèn TH	cái	2
54	Tán che đèn tín hiệu	cái	7
55	Chuông 24VDC D=4inch	cái	26
56	Dây lưỡng kim F3mm	kg	624
57	Máy tính	cái	2
58	Máy điện thoại NC HC-19	cái	13
59	Máy điện thoại Optiset	cái	8
60	Máy ĐT ấn phím	cái	53
61	Máy in, Fax	cái	1
62	Sắt chống xà 600*40*4mm	cái	102
63	Sắt chống xà 900*40*4mm	cái	102
64	Sắt góc 100*100*10 mm 3,2m	Thanh	22
65	Thang cột TH	Cái	9
66	Thang cột thử dây	cái	4
67	Accu acid kín khí 12V-100AH	binh	261
68	Ac quy a xít kín khí 12v 70AH	binh	34
69	Accu acid kín khí 12V-35AH	binh	12
70	Accu acid 12v 7-9AH	binh	8